

Số:139/2019/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/2/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 222/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Đồng Ngọc A, sinh năm 1996.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 6, ngách 3/108 đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Trương Thị C, sinh năm 1995.

HKTT: Số nhà 6, ngách 3/108 đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Phòng 1118 chung cư Q 18 tầng, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Ngọc A và chị C đăng ký kết hôn ngày 21/10/2016 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Tại biên bản hòa giải ngày 12/6/2019 Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Ngọc A, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Ngọc A, chị C là hoàn toàn tự nguyện. Anh Ngọc A, Chị C đều xác định không còn tình cảm vợ chồng gì với nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Ngọc A, chị C theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung:

Anh Ngọc A và chị C xác định vợ chồng có 01 con chung là Đồng Gia M, sinh ngày 09/9/2016 và thỏa thuận giao con chung cho anh Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Thỏa thuận này của anh Ngọc A, chị C là hoàn toàn tự nguyện và vì lợi ích của con chung. Do vậy, cần công nhận sự thỏa thuận của anh Ngọc A, chị C, giao con chung cho anh Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Ngọc A, chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Ngọc A, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Ngọc A, chị C xác nhận chị C là người nộp toàn bộ số tiền 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2016/0000480 ngày 04/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Nay, anh Ngọc A, chị C thỏa thuận, chị C nhận chịu toàn bộ lệ phí đã nộp theo Biên lai trên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Ngọc A và chị Trương Thị C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đồng Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đồng Gia M, sinh ngày 09/9/2016. Chị C có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị C chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000480 ngày 04/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND phường T, tp. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

Trần Mạnh Thắng